

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:19/2021/HSST

Ngày : 30/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM
*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa : Ông **Trương văn Biếu**.

Các Hội thẩm T.C.Nh dân :

1. Ông **Dương Minh Ngọc**

2. Bà **Phan Thị Thanh Dung**

Thư ký ghi biên bản phiên Tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy** – Cán bộ
Tòa án T.C.Nh dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham
gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Trọng Nghĩa** – Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành,
tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 65/2020/TL-
HSST ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **N. T. Th**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: không.

Sinh ngày: 07/6/1976.

HKTT + chỗ ở: khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam

Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Nguyễn Văn Th (1948) và bà Đỗ Thị H (1953) hiện đang trú tại
thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Bị cáo có chồng là ông Lương Ngọc T (1973) và 03 người con, lớn nhất
sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017, cùng trú tại khối 3, thị trấn N, huyện N,
tỉnh Quảng Nam

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Họ và tên: **L.Q.Th**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không

Sinh ngày: 01/11/1979.

HKTT + chỗ ở: tổ 65, K135/9 Th, phường A, quận Th, thành phố Đà Nẵng.

Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch: Việt Nam ; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Lê Quang D (1949) và bà Bùi Thị Thu H(1950) hiện đang trú tại
địa chỉ tổ 65, K135/9 T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị can là con lớn nhất trong gia đình.

Bị cáo có vợ là bà Trần Thị T (1978) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014, hiện đang cùng trú tại tổ 65, K135/9 T, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Tiền án, tiền sự: không.

T.C.Nh thân: Ngày 24/6/2000, bị Công an phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự khu dân cư, đánh nhau.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị L.TH.Th.V, sinh năm: 1988, trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Chị N.T.T.K, sinh năm: 1995, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông P.V.V, sinh năm: 1983 và bà B.T.N.L, sinh năm: 1986, cùng trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông N.L.N.H, sinh năm: 1973, trú tại: phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông B.Q.V, sinh năm: 1983, trú tại: xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông B.V.T, sinh năm: 1987, trú tại: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông N.V.N– Công ty TNHH A, địa chỉ: Khối 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Người làm chứng:

+ Bà P.T.K.C, sinh năm: 1972, trú tại: khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà N.T.L.H, sinh năm: 1989, trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông N.Q.D, sinh năm: 1960, trú tại: Thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà B.T.N.H, sinh năm: 1974, trú tại: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Đ.T.K, sinh năm: 1984, trú tại: khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Công ty HĐV(sau đây gọi tắt là Công ty HĐV; Mã số thuế 4001073167; Địa chỉ khối 3 thị trấn N, huyện N; Vốn điều lệ: 1.700.000.000 đồng) do N. T. Th cùng với H.N.H(sinh năm 1988, trú khối 3 thị trấn N, huyện N, Quảng Nam) thành lập, được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh vào ngày 08/4/2016, hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề trong đó có vận chuyển hàng hóa, mua bán

vật liệu xây dựng... Quá trình hoạt động, tính đến tháng 12 năm 2018, Công ty HDV đã 02 lần thay đổi vốn điều lệ. Cụ thể:

- Lần thay đổi thứ nhất vào ngày 05/7/2017, tăng vốn điều lệ lên 1.900.000.000 triệu đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng).
- Lần thay đổi thứ hai vào ngày 04/12/2018 tăng vốn điều lệ lên 12.000.000.000 tỷ (mười hai tỷ đồng).

Trên thực tế Công ty HDV do một mình N. T. Th là người góp vốn, làm giám đốc đại diện pháp luật chịu trách nhiệm điều hành, quản lý, kê khai, quyết toán sổ sách, hóa đơn, chứng từ và quyết định toàn bộ các hoạt động khác của công ty. H.N.H chỉ đứng tên hộ cho Th, không tham gia, quyết định vào bất kỳ hoạt động nào của Công ty.

* Ngày 03/7/2013, L.Q.Th thành lập Công ty NCH (sau đây gọi tắt là Công ty NCH; Mã số thuế 0401544688; Địa chỉ K135/9 T, phường A, quận T, Đà Nẵng; Vốn điều lệ: 1.900.000.000 đồng). Công ty do một mình L.Q.Th góp vốn, làm giám đốc, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của công ty.

Qua điều tra L.Q.Th khai nhận:

Do có quen biết từ trước, khoảng đầu năm 2017, Th điện hỏi L.Q.Th mua trái phép (mua không) hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) của Công ty NCH với mục đích là để kê khai hàng hóa đầu vào cho Công ty HDV đã mua hàng ngoài thị trường không có hóa đơn. Ngoài ra, còn một số hóa đơn Th sử dụng hạch toán chi phí công ty mình, còn một số hóa đơn dư khối lượng thì Th bán đầu ra cho các công ty nào cần. Vào thời điểm này, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty NCH của L.Q.Th làm ăn thua lỗ, bị khách hàng đòi nợ. nên từ khoảng tháng 6/2016, qua quen biết xã hội, L.Q.Th gặp T.C.Nh (L.Q.Th không biết rõ T.C.Nh thân, lai lịch cụ thể), L.Q.Th giao cho T.C.Nh con dấu, số điện thoại di động 0913304879, các tập hóa đơn GTGT của Công ty NCH nhờ T.C.Nh quản lý. Do vậy, khi nghe Th hỏi mua không hóa đơn GTGT, L.Q.Th điện thoại nói lại cho T.C.Nh biết thì T.C.Nh đồng ý và giao cho L.Q.Th trực tiếp liên hệ, trao đổi cụ thể với Th. L.Q.Th và Th thỏa thuận, thống nhất tính phí bán hóa đơn là từ 3% đến 4% trên số tiền hàng của hóa đơn (*3-4% T.C.Nh với số tiền trước thuế suất GTGT*) tùy vào từng thời điểm, từng hóa đơn cụ thể. Khi Th cần hóa đơn GTGT thì điện thoại nói nội dung cho L.Q.Th hoặc ghi ra giấy rồi chụp ảnh gửi qua địa chỉ zalo, Messenger cho L.Q.Th thì L.Q.Th ghi hóa đơn rồi đem vào cho Th để lấy tiền

Sau khi thống nhất, Th điện thoại nói L.Q.Th ghi hóa đơn cho Th với nội dung: Mặt hàng cát; Khối lượng 25.000m³, lùi lại ngày 20/01/2017; Tổng cộng tiền hàng thanh toán sau thuế suất là: 1.600.000.000 đồng. L.Q.Th tự tính đơn giá, thành tiền, thuế suất rồi ghi vào hóa đơn liên 1, 2, 3. L.Q.Th không đứng ký ở mục người bán hàng trên hóa đơn, mà ở mục người bán hàng trên hóa đơn (liên 2): Giao cho khách hàng (hóa đơn Th đã kê khai thuế đầu vào) L.Q.Th đưa cho người có tên T.C.Nh ký, đóng dấu Công ty NCH. Sau đó, L.Q.Th đem tờ hóa đơn Liên 2 đã ghi nội dung vào nhà ở của Th tại khối 3 thị trấn Núi Thành, Núi Thành, cũng là nơi làm trụ sở Công ty HDV để giao cho Th, lấy tiền phí. Số

tiền phí bán hóa đơn được L.Q.Th nhận rồi đem về cho Trương Công T.C.Nh , T.C.Nh đưa lại cho L.Q.Th tiền công, bồi dưỡng.

Với phương thức, thủ đoạn như trên từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2018, tổng cộng L.Q.Th đã bán trái phép (không) 33 (ba mươi ba) tờ hóa đơn GTGT cho N. T. Th. Cụ thể:

- Quý I năm 2017, L.Q.Th bán trái phép cho Th 05 tờ hóa đơn với tổng số tiền hàng là 11.668.181.818 đồng, thuế suất VAT là 1.166.818.182 đồng và tổng thành tiền là 12.835.000.000 đồng. Đối với số hóa đơn Quý 1/2017, L.Q.Th và Th thỏa thuận tính tiền $4\% \times 11.668.181.818 = 466.727.272$ đồng, L.Q.Th nhận được tiền mặt do Th trả: 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), Th còn nợ lại L.Q.Th: 401.727.272 đồng.

- Quý II năm 2017, L.Q.Th bán trái phép cho Th 07 tờ hóa đơn với tổng số tiền hàng là 3.047.397.227 đồng, thuế suất VAT là 304.739.673 đồng và tổng thành tiền là 3.352.136.900 đồng. Đối với số hóa đơn Quý 2/2017, L.Q.Th và Th thỏa thuận tính tiền: 03 hóa đơn số 0000698, 0000717, 0000737 tính tiền: 3%, 04 hóa đơn còn lại tính tiền: 4%. Th phải trả cho L.Q.Th số tiền: 108.095.889 đồng tiền phí, L.Q.Th đã nhận được tiền mặt do Th trả: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), Th còn nợ lại L.Q.Th: 88.000.000 đồng.

- Quý III năm 2017 và tháng 10 năm 2017 (thuộc quý IV năm 2017), L.Q.Th bán trái phép cho Th 15 tờ hóa đơn với tổng tiền hàng là 9.866.363.636 đồng, thuế VAT là 986.636.364 đồng và tổng thành tiền là 10.853.000.000 đồng. Đối với số hóa đơn quý III và tháng 10 năm 2017, theo thỏa thuận của L.Q.Th và Th thì L.Q.Th cho Th hai hóa đơn số 0000778 và 0000796 không tính tiền phí, số hóa đơn còn lại tính 3%. Th phải trả cho L.Q.Th số tiền: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), Th nợ số tiền này chưa trả.

- Quý I năm 2018, L.Q.Th bán trái phép cho Th 06 tờ hóa đơn với giá trị tiền hàng là 9.083.636.364 đồng, tiền thuế VAT là 908.363.636 đồng, tổng thành tiền là 9.992.000.000 đồng. đối với số hóa đơn quý I năm 2018, L.Q.Th và Th thỏa thuận tính tiền phí làm tròn mà Th phải trả cho L.Q.Th: 300.000.000 đồng. Th chưa trả số tiền trên.

Như vậy, từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2018, L.Q.Th- Công ty NCH đã bán không cho N. T. Th- Công ty HĐV 33 tờ hóa đơn GTGT đã ghi nội dung với tổng tiền hàng: 33.665.579.045 đồng (ba mươi ba tỷ sáu trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn không trăm bốn mươi lăm đồng), thuế suất VAT: 3.366.557.855 đồng (ba tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng), tổng thành tiền: 37.032.136.900 đồng (ba mươi bảy tỷ không trăm ba mươi hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm đồng). Như vậy, tổng số tiền L.Q.Th với Th thỏa thuận tính phí khi mua bán 33 tờ hóa đơn là: 1.124.823.161 đồng (một tỷ một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm hai mươi ba nghìn một trăm sáu mươi một đồng). L.Q.Th nhận được tiền từ khi bán không hóa đơn là: 476.200.000 đồng (bốn trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Trong đó, nhận tiền mặt: 85.000.000 đồng, nhận tiền chuyển khoản: 391.200.000 đồng. Số tiền còn lại Th chưa thanh toán cho L.Q.Th.

Sau khi sự việc bị phát giác, ngày 11/7/2019, L.Q.Th đã đến Công an huyện Núi Thành đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hiện L.Q.Th đã nộp lại số tiền 10.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để khắc phục một phần hậu quả, cam kết tiếp tục khắc phục.

* Việc thanh toán tiền phí mua hóa đơn qua chuyển khoản được Th thực hiện bằng cách Th trực tiếp hoặc yêu cầu T.C.Nh viên của mình là L.TH.Th.V (1988, trú Thanh Trà, Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam), N.T.T.K (1995, trú Đông Xuân, Tam Giang, Núi Thành, Quảng Nam) hoặc nhờ người nhà của mình là L.V.Ph (không rõ lai lịch cụ thể) ra ngân hàng chuyển chuyển tiền vào tài khoản cá T.C.Nh của L.Q.Th mở tại hai Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn (Agribank) và Ngân hàng Vietcombank.

* *Kết quả xác minh tại tài khoản số 2003206093632 đứng tên cá T.C.Nh L.Q.Th mở tại Ngân hàng NN và PTNN chi nhánh quận Thanh Khê, Đà Nẵng:*

- Ngày 27/4/2017, L.V.Ph chuyển số tiền : 20.000.000 đồng;
- Ngày 28/7/2017, L.V.Ph chuyển số tiền : 20.000.000 đồng;
- Ngày 16/11/2017, L.TH.Th.V chuyển số tiền : 10.000.000 đồng;
- Ngày 04/7/2018, N.T.T.K chuyển số tiền 16.000.000 đồng;
- Ngày 22/8/2018, N.T.T.K chuyển số tiền 6.000.000 đồng;
- Ngày 20/11/2018, N.T.T.K chuyển số tiền 6.000.000 đồng;
- Ngày 19/12/2018, N.T.T.K chuyển số tiền 6.000.000 đồng.

* *Kết quả xác minh tại tài khoản số 0041000321772 đứng tên cá T.C.Nh L.Q.Th mở tại Ngân hàng Vietcombank Đà Nẵng:*

- Ngày 30/01/2018, N. T. Th chuyển số tiền 1.000.000 đồng.
- Ngày 30/4/2018, chuyển tiền giúp cho chị Th Núi Thành số tiền 20.000.000 đồng.

- Ngày 03/5/2018, IBVCB 0305180293958001 chuyển số tiền 300.000.000 đồng, theo L.Q.Th đây là số tiền Th chuyển trả cho L.Q.Th đã mua khống hóa đơn.

- Ngày 13/9/2018, N. T. Th chuyển số tiền 8.000.000 đồng.
- Ngày 10/10/2018, N. T. Th chuyển số tiền 500.000 đồng.
- Ngày 15/10/2018, N. T. Th chuyển số tiền 200.000 đồng.
- Ngày 18/10/2018, N. T. Th chuyển số tiền 6.000.000 đồng.
- Ngày 06/12/2018, N. T. Th chuyển số tiền 1.150.000 đồng
- Ngày 21/12/2018, N. T. Th chuyển số tiền 6.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền qua chuyển khoản là: 427.200.000 đồng (bốn trăm hai mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng)

Ngày 04/5/2018, Th nhờ L.Q.Th vay dùm 200.000.000 đồng, thỏa thuận hàng tháng trả lãi 6.000.000 đồng. Trong số tiền chuyển khoản 427.200.000 đồng, có 36.000.000 đồng là tiền trả lãi vay, số tiền còn lại 391.200.000 đồng là tiền Th trả cho việc mua khống hóa đơn của L.Q.Th. Qua xác minh phù hợp với lời khai của Th và tài khoản cá T.C.Nh của L.Q.Th tại Ngân hàng Vietcombank có thể hiện việc L.Q.Th chuyển tiền trong tài khoản cho Th 04 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng.

* Sau khi mua không 33 tờ hóa đơn GTGT, Th hợp thức hóa chứng từ kèm theo, để khi Cơ quan Thuế kiểm tra, không phát hiện ra hóa đơn mua không. Th đã làm không: Hợp đồng số 03-2017/HĐKT/NCH-HĐV ngày 01 tháng 01 năm 2017 V/v Mua bán đá, cát; Hợp đồng số 04-2017/HĐKT/NCH-HĐV ngày 01 tháng 04 năm 2017 về việc vận chuyển hàng hóa và chỉ đạo cho L.TH.Th.V, N.T.T.K là kế toán công ty mình lập không chứng từ kèm theo. V lập không được 12 Bảng kê thể hiện việc giao nhận hàng hóa từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017; Biên bản đối chiếu khối lượng; Biên bản đối chiếu công nợ đến hết ngày 31/12/2017 để hợp thức 14 tờ hóa đơn GTGT (trong đó có 02 bảng kê, 02 biên bản đối chiếu khối lượng lập cho 04 tờ hóa đơn). V lập xong đưa Th ký đứng tên giám đốc, đóng dấu Công ty HĐV ở mục bên mua hàng, rồi Th đưa cho L.Q.Th. Nhận được 12 bảng kê thể hiện việc giao nhận hàng hóa, L.Q.Th đưa cho người có tên T.C.Nh ký tên, đóng dấu với chức vụ Giám đốc đóng dấu Công ty NCH. Sau khi ký xong, L.Q.Th giao lại cho Th để lưu vào chứng từ kèm với hóa đơn.

*** Kết quả điều tra, xác minh làm rõ 12 bảng kê**

12 (mười hai) bảng kê thể hiện việc giao nhận hàng hóa để hợp thức 14 hóa đơn Công ty NCH của L.Q.Th gồm: Hóa đơn số 0000620 ngày 20/01/2017; Hóa đơn số: 0000652 ngày 22/2/2017; Hóa đơn số: 0000658 ngày 26/02/2017; Hóa đơn số: 0000679 ngày 28/3/2017; Hóa đơn số: 0000709 ngày 20/5/2017; Hóa đơn số: 0000712 ngày 25/5/2017; Hóa đơn số: 0000721 ngày 05/6/2017; Hóa đơn số: 0000728 ngày 15/6/2017; Hóa đơn số: 0000742 ngày 16/7/2017; Hóa đơn số: 0000749 ngày 29/7/2017; Hóa đơn số: 0000752 ngày 26/8/2017; Hóa đơn số: 0000753 ngày 27/8/2017; Hóa đơn số: 0000772 ngày 26/9/2017; Hóa đơn số: 0000778 ngày 02/10/2017.

Trong 12 bảng kê có tổng cộng 35 biển số xe ô tô tải các loại gồm: 20C – 095.39; 76C – 075.97; 37C – 002.58; 92C – 014.24; 92C – 016.43; 92C – 044.73; 92C – 065.16; 92C – 097.53; 92C – 047.30; 92C – 066.35; 92C – 097.54; 92C – 057.02; 92C – 066.53; 92C – 104.24; 92C – 058.82; 92C – 068.08; 92C – 107.87; 92C – 058.90; 92C – 068.92; 92C – 111.78; 92C – 018.27; 92C – 058.91; 92C – 069.82; 92C – 022.04; 92C – 059.39; 92C – 075.97; 92C – 022.86; 92C – 060.63; 92C – 077.31; 92C – 032.22; 92C – 062.31; 92C – 079.18; 92C – 044.56; 92C – 063.24; 92C – 095.63;

Quá trình điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, làm việc với chủ sở hữu một số xe ô tô có biển kiểm soát trong 12 bảng kê trên cho kết quả như sau:

a. Công ty Th.D(Công ty Th.D), MST 4001100928, địa chỉ khối 2, thị trấn N, do bà P.T.K.C (sinh năm 1972, trú khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam) làm giám đốc đại diện pháp luật. Trong 35 biển kiểm soát xe ô tô của 12 bảng kê, trong năm 2017, Công ty Th.D của bà P.T.K.C có đăng ký sở hữu ba xe ô tô 92C - 04473, 92C - 06063, 92C - 10787.

- Khối lượng hàng ba xe trên vận chuyển có trong 12 bảng kê là:
 - + Khối lượng cát là : 42.130 m³;

- + Khối lượng đá 1x2 là : 2.366 m³;
- + Khối lượng đá 2x4 là : 790 m³;
- + Khối lượng đá cấp phối là : 790 m³;
- + Khối lượng đất đắp là : 53.533 m³.

Với khối lượng hàng như trên, trong năm 2017 ba xe ô tô của bà P.T.K.C không có chạy vận chuyển, vì lý do trong cùng thời gian trên từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/08/2017 ba xe ô tô này của bà P.T.K.C đã chạy vận chuyển cho các đơn vị khác, bà P.T.K.C cung cấp hóa đơn GTGT liên 1: Lưu, Bảng kê thể hiện hoạt động của ba xe ô tô trên.

Xe ô tô 92C-04473, 92C-06063, 92C-10787 vào ngày 06/01/2017 ông T.Đ.T (sinh năm 1968, trú khối 2, thị trấn N, huyện N, Quảng Nam- chồng bà P.T.K.C) chuyển góp tài sản sang cho Công ty Th.D do bà P.T.K.C làm giám đốc. Từ khi nhận ba xe ô tô trên thì bà P.T.K.C điều hành, theo dõi mọi hoạt động của ba xe. Riêng xe ô tô BKS 92C - 10787 trước ngày 22/3/2017 biển kiểm soát là 92H - 1078 không phải biển kiểm soát 92C - 10787 vì lý do khi nhận 03 xe ô tô giấy đăng ký đứng tên Công ty CP P.T.K.C Tương do ông Tương làm giám đốc đến ngày 22/3/2017 bà P.T.K.C mới làm thủ tục chuyển tên giấy đăng ký sở hữu sang cho Công ty Th.D. Biển kiểm soát xe ô tô 92H - 1078 thay đổi sang BKS 92C - 10787 (theo kết quả xác minh tại Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Nam), biển kiểm soát xe ô tô 92C-04473, 92C - 06063 vẫn giữ nguyên biển cũ. Trong khi đó 12 kê của Th thì từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2017 đã có mặt biển kiểm soát xe 92C - 10787.

Với L.Q.Th, Công ty NCH thì bà P.T.K.C không hề quen biết. Đối với N. T. Th cũng như Công ty HĐV trong năm 2017 (cụ thể từ ngày 08/9/2017 đến ngày 19/9/2017) bà P.T.K.C có sử dụng ba xe ô tô BKS 92C - 04473, 92C - 06063, 92C - 10787, có thuê một số xe ô tô 92C-02286, 92C-05702, 92C-05882, 92C-05890, 92C-06982, 92C-07731 vận chuyển đất đồi cụ thể:

- Khối lượng đất đồi vận chuyển là: 1.786m³ với đơn giá chưa tính thuế là: 31.818 đồng/m³.

- Khối lượng đất đồi vận chuyển là: 1.444m³ với đơn giá chưa tính thuế là: 33.636 đồng/m³.

Việc vận chuyển này là vận chuyển từ mỏ đất xã Tam Mỹ Đông (đất mà Th xin làm trang trại khai thác) chở xuống sân bay Chu Lai. Công ty Th.D đã xuất hóa đơn GTGT số 0000102 ngày 29/9/2017, Bảng kê chứng từ kèm theo cho Công ty HĐV của Th, ngoài ra không có vận chuyển hàng gì khác.

Kiểm tra, đối chiếu số liệu các bảng kê này với 12 bảng kê của Th thì không có liên quan gì với nhau.

Công ty Th.D có xuất hóa đơn GTGT số: 0000101, ngày 29/9/2017; Số: 0000106 ngày 30/9/2017; Số: 0000108 ngày 30/9/2017; Số: 0000118 ngày 28/10/2017; Số: 0000140 ngày 04/12/2017; Số: 0000158 ngày 31/12/2017 cho N. T. Th, Công ty HĐV về mặt hàng đất san lấp có Bảng kê kèm theo. Với mặt hàng đất san lấp trong các hóa đơn trên, bà P.T.K.C mua tại mỏ đất Trị Bình Quảng Ngãi sử dụng xe ô tô 92C - 04473, 92C - 06063, 92C - 10787, thuê xe ô tô 92C - 02286, 92C - 05702, 92C - 05882, 92C - 05890, 92C - 06982, 92C -

07731, các xe khác để vận chuyển về công trình Sân bay Chu Lai bán lại (cung cấp) cho Công ty HĐV của Th. Các hóa đơn, mặt hàng đất san lấp không liên quan gì đến mặt hàng trong hóa đơn cũng như 12 bảng kê giữa Công ty HĐV của Th với Công ty NCH của L.Q.Th.

* Công ty VTNT, MST 400109744, địa chỉ thôn N, xã T, huyện N do bà N.T.L.H (sinh năm 1989, trú Thôn A, xã Ta, huyện N, Quảng Nam) làm Giám đốc- đại diện pháp luật. Theo 35 biên kiểm soát xe ô tô trong 12 bảng kê thì Công ty VTNT của N.T.L.H trong năm 2017 có đăng ký sở hữu 01 xe ô tô BKS 92C – 104.24.

- Khối lượng hàng xe ô tô BKS 92C – 104.24 vận chuyển có trong 12 bảng kê của Th là:

+ Khối lượng cát là	: 7.869 m ³ ;
+ Khối lượng đá 1x2 là	: 555 m ³ ;
+ Khối lượng đá 2x4 là	: 152 m ³ ;
+ Khối lượng đá cấp phối là	: 583 m ³ ;
+ Khối lượng đất đỏ là	: 6.865 m ³ ;

Việc kê khai khối lượng vận chuyển hàng hóa như trên là không có cơ sở, bởi lẽ, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 16/3/2017 biên kiểm soát xe ô tô 92C - 10424 chưa được Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Nam cấp. Ngày 16/3/2017 bà N.T.L.H mua mới một xe ô tô đăng với Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Nam mới được cấp biên kiểm soát 92C - 10424 và đưa vào hoạt động kể từ ngày này. Trong khi đó 12 kê của Th thì từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2017 đã có mặt biên kiểm soát xe 92C - 10424.

Kiểm tra đối chiếu bảng kê xe ô tô 92C-10424 trong 12 bảng kê với bảng kê có xe ô tô 92C-10424 bà N.T.L.H cung cấp thì không liên quan gì đến nhau.

Bên cạnh đó, trong năm 2017, từ ngày 03/5/2017 đến ngày 30/9/2017 và từ ngày 04/10/2017 đến ngày 28/02/2018, bà N.T.L.H có sử dụng các xe ô tô BKS 92C - 10424, 92C - 12069, 43C - 11363, 43C - 11652 chạy vận chuyển đất đỏ, đất, đá các loại cho N. T. Th, giám đốc Công ty HĐV, chạy trong khoảng cách 20km trở lại (không chạy vận chuyển ngoài địa bàn huyện Núi Thành). Việc vận chuyển này có Hợp đồng, bảng kê xe chạy, bảng nghiệm thu khối lượng, hóa đơn và đã được các bên ký xác nhận (đã được thu thập trong hồ sơ vụ án).

* Ông N.Q.D làm tại Công ty MTV XD CN(công ty do con ông N.Q.D giữ chức danh Giám đốc, ông N.Q.D chịu trách nhiệm quản lý, điều hành, giao dịch với N. T. Th). Trong năm 2017, ông N.Q.D không có sử dụng xe ô tô nào vận chuyển hàng hóa cho N. T. Th, Công ty HĐV. Từ ngày 10/3/2018 đến ngày 14/3/2018, ông N.Q.D có sử dụng 04xe ô tô BKS 92C - 09056, 92C - 10339, 92C - 09289, 92C - 09179 của Công ty MTV XD CN vận chuyển 986,7 m³ đất đỏ từ mỏ đá Kỳ Hà đến sân bay Chu Lai cho N. T. Th, Công ty HĐV, đã xuất hóa đơn số 0000119 ngày 31/3/2018, bảng kê vận chuyển kèm theo.

Kiểm tra đối chiếu bảng kê xe ô tô ông N.Q.D cung cấp với 12 bảng kê của Th cung cấp thì không liên quan gì đến nhau.

* Các xe ô tô BKS 92C - 02286, 92C - 05702, 92C - 05882, 92C -05890, 92C - 06982, 92C - 07731 năm 2017, chủ sở hữu là Công ty TNHH KH, MST

4000880055, địa chỉ thôn A, xã T, huyện N, do bà B.T.N.H (sinh năm 1974, trú Thôn A, xã T, huyện N, Quảng Nam) làm Giám đốc- đại diện pháp luật.

Khối lượng hàng các xe trên chạy vận chuyển có trong 12 bảng kê của Th là:

+ Khối lượng cát là	: 43.158 m ³ ;
+ Khối lượng đá 1x2 là	: 3.607 m ³ ;
+ Khối lượng đá 2x4 là	: 666 m ³ ;
+ Khối lượng đá cấp phối là	: 2.601 m ³ ;
+ Khối lượng đất đỏ là	: 37.759,5 m ³ .

Trong năm 2017, các xe ô tô BKS 92C - 02286, 92C - 05702, 92C - 05882, 92C - 05890, 92C - 06982, 92C - 07731 của bà H không có vận chuyển hàng hóa gì cho N. T. Th- Công ty HDV, L.Q.Th- Công ty NCH. Bà H cung cấp hóa đơn vận chuyển, Bảng kê kèm theo hóa đơn mà các xe ô tô chạy vận chuyển cho các Công ty khác.

Kiểm tra đối chiếu xe ô tô BKS 92C - 02286, 92C - 05702, 92C - 05882, 92C - 05890, 92C - 06982, 92C - 07731 trong 12 bảng kê của Th với bảng kê do bà H cung cấp thì không liên quan gì đến nhau.

* Các xe ô tô có BKS 92C - 09753, 92C - 09754 năm 2017 chủ sở hữu Công ty TMDV QT, MST 4000988732, địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N do ông Đ.T.K (sinh năm 1984, trú khối 6, thị trấn N, huyện N, Quảng Nam) làm Giám đốc- đại diện pháp luật.

Khối lượng hàng 02 xe chạy vận chuyển có trong 12 bảng kê của Th là:

+ Khối lượng cát là	: 8.834 m ³ ;
+ Khối lượng đá 1x2 là	: 744 m ³ ;
+ Khối lượng đá 2x4 là	: 134 m ³ ;
+ Khối lượng đá cấp phối là	: 583 m ³ ;
+ Khối lượng đất đỏ là	: 5.803 m ³ .

Trong năm 2017, hai xe ô tô 92C - 09753, 92C - 09754 của ông Đ.T.K không có vận chuyển hàng hóa gì cho N. T. Th- Công ty HDV, L.Q.Th- Công ty NCH. Ông Đ.T.K cung cấp hóa đơn vận chuyển, Bảng kê kèm theo hóa đơn mà các xe ô tô chạy vận chuyển cho các Công ty khác trong năm 2017.

Kiểm tra đối chiếu xe ô tô 92C - 09753, 92C - 09754 trong 12 bảng kê của Th với bảng kê do ông Đ.T.K cung cấp thì không liên quan gì đến nhau.

* Quá trình điều tra, N. T. Th khai nhận: khi mua cát của L.Q.Th- Công ty NCH, xe ô tô đến tại cầu Cao Lâu, Duy Xuyên nhận cát vận chuyển về Núi Thành để bán lại. Thời gian xe ô tô chạy vận chuyển từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30 nghỉ trưa, chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 30 thì nghỉ, không vận chuyển nữa. Tuy nhiên, trên thực tế, với đoạn đường từ Duy Xuyên - Núi Thành (khoảng 65 km) như trên thì một xe ô tô vận chuyển trong một ngày không thể vận chuyển như trong 12 bảng kê mà Th cung cấp. Cụ thể tháng 3/2017, các xe trong bảng kê chạy vận chuyển trên 100 chuyến cho một ngày, để giải thích số chuyến xe trên thì Th không giải thích được.

Kiểm tra, đối chiếu hóa đơn với 12 Bảng kê do Th cung cấp thấy Hóa đơn được xuất trước khi có bảng kê (Bảng kê được lập sau hóa đơn):

Hóa đơn 0000620 ngày 20/01/2017 khối lượng cát 25.000m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 31/01/2018 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Hóa đơn số 0000652 ngày 22/02/2017 khối lượng cát 35.000 m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 28/02/2017 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Hóa đơn số 0000658 ngày 26/02/2017 khối lượng đá cấp phối 4.750 m³, khối lượng đá 2x4 là 1.500m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 28/02/2017 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Hóa đơn số 0000679 ngày 28/3/2017 khối lượng cát 105.000m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 31/3/2017 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Hóa đơn số 0000709 ghi ngày 20/5/2017 khối lượng đất đỏ 5.000 m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 31/5/2017 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Hóa đơn số 0000712 ngày 25/5/2017 khối lượng đất đỏ 6.000 m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 31/5/2017 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Hai hóa đơn có chung bảng kê, biên bản nghiệm thu là Hóa đơn số 0000721 ngày 05/6/2017 khối lượng 6000m³, Hóa đơn số 0000728 ngày 15/6/2017 khối lượng đất đỏ 4.500 m³, trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 05/6/2017 chỉ có khối lượng 1.941m³, và đến ngày 15/6/2017 chỉ có khối lượng 6.263 m³ và đến ngày 30/6/2017 mới đủ khối lượng như trong hai hóa đơn.

Hai hóa đơn có chung bảng kê, biên bản nghiệm thu là Hóa đơn số 0000742 ngày 16/7/2017 khối lượng 20.000m³, Hóa đơn số 0000749 ngày 29/7/2017 khối lượng đất đỏ 20.000 m³, trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 31/7/2017 mới đủ khối lượng như trong hai hóa đơn.

Hóa đơn số 0000753 ngày 27/8/2017 khối lượng đá 1x2 là 14.000 m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 31/8/2017 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Hóa đơn số 0000752 ngày 26/8/2017 khối lượng đất đỏ 21.500 m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 31/8/2017 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Hóa đơn số 0000772 ngày 26/9/2017 khối lượng đất đỏ 25.000 m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 30/9/2017 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Hóa đơn số 0000778 ngày 02/10/2017 khối lượng đất đỏ 30.000 m³ trong khi đó bảng kê, biên bản nghiệm thu khối lượng thì đến ngày 31/10/2017 mới đủ khối lượng như trong hóa đơn.

Ngoài ra, qua tra cứu thông tin 35 xe ô tô trong 12 bảng kê của Th tại Phòng CSGT Công an tỉnh Quảng Nam cung cấp thấy: xe ô tô 92C - 014.24 tải trọng 3300 kg; xe 92C - 059.39 tải trọng 1400kg; xe ô tô 92C - 066.53 tải trọng

1250kg nhưng khối lượng hàng (trong một chạy vận chuyển) trong bảng kê cát, đá cấp phối, 1x2, 2x4, đất đỏ từ 15 - 20m³ (tương đương tải trọng 25 – 27 tấn).

Như vậy, qua đối chiếu, xác minh biên kiểm soát, khối lượng vận chuyển của một số xe trong tổng số 35 xe chạy vận chuyển như trong 12 bảng kê của Th đã có đủ cơ sở khẳng định 12 bảng kê trên là không có thực, tự lập ra để hợp thức hóa cho 14 tờ hóa đơn không, kết quả này phù hợp với lời khai của L.Q.Th, L.TH.Th.V, N.T.T.K.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành yêu cầu N. T. Th cung cấp bảng kê thể hiện việc giao nhận hàng hóa, biên bản đối chiếu khối lượng cho 19 tờ hóa đơn còn lại nhưng đến nay Th chưa cung cấp, không giải thích được.

* N. T. Th không những hợp thức hóa đơn mua không bằng Bảng kê, biên bản đối chiếu công nợ, mà còn hợp thức thanh toán chuyển trả tiền mua hàng qua tài khoản Ngân hàng để được khấu trừ tiền thuế GTGT trên hóa đơn Công ty NCH. Cụ thể:

Theo quy định tại Điểm a khoản 12 Điều 14 Chương III Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng thì tiền hàng trên 20.000.000 đồng phải chuyển khoản thanh toán qua Ngân hàng.

Ngày 20/6/2017, Th chuyển số tiền 2.998.000.000 đồng từ tài khoản Công ty HDV sang tài khoản Công ty NCH tại Ngân hàng Agribank, Đà Nẵng. Ngày 16/11/2017, Th chuyển số tiền 3.150.000.000 đồng sang tài khoản Công ty NCH tại Ngân hàng Đông Á, Quảng Nam. Số tiền trên, Th chỉ đạo cho L.Q.Th rút đưa cho N.T.Nh.Ng(1975, trú 305 N, thành phố T, Quảng Nam) còn lại chuyển trả lại cho Th.

Để thuận tiện cho việc chuyển tiền, rút tiền hợp thức hóa thanh toán, ngày 01/11/2017, L.Q.Th đứng tên giám đốc Công ty NCH mở tài khoản số: 3331100056008 tại Ngân hàng TMCP QĐ phòng giao dịch Núi Thành. L.Q.Th mua séc, ký tên, đóng dấu sẵn trên tập séc giao cho Th và Th cất giữ tại nhà của mình để khi mỗi lần chuyển tiền thanh toán hợp thức vào tài khoản trên thì Th rút tiền ra lại dễ dàng thuận lợi. Tài liệu chứng cứ đã được thu thập tại Ngân hàng TMCP QĐ.

Ngày 09/12/2019 khám xét thu giữ tại nhà ở cũng là trụ sở làm việc của Th: 01 (một) tập séc của Công ty NCH mở tài khoản số: 3331100056008 tại Ngân hàng TMCP QĐ, L.Q.Th đã ký tên đóng dấu Công ty NCH trước, có tờ séc đã xé khỏi cùi (đã sử dụng); Ba tờ giấy A4 ký tên L.Q.Th và đóng dấu Công ty NCH, trong đó không có ghi nội dung.

Từ ngày 02/11/2017 đến ngày 24/4/2018, N. T. Th- Công ty HDV có 13 lần chuyển với tổng số tiền: 17.367.921.000 đồng (Mười bảy tỷ ba trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm hai một đồng) vào tài khoản Ngân hàng MB của Công ty NCH. Trong 13 lần này Th chỉ đạo cho L.NG. T (sinh năm 1973, trú khối 3 thị trấn N, huyện N, Quảng Nam- là chồng của Th), L.TH.Th.V, L.H.C (sinh năm

1993, trú thôn A, xã TL, huyện P, Quảng Nam) L.V.Ph và kẻ cả Th rút lại hết số tiền này (thông qua tập séc mà L.Q.Th đã ký, đóng dấu sẵn) ngay sau khi tài khoản này báo nhận tiền và tất cả tiền được những người trên rút về giao lại cho Th. Cụ thể, qua điều tra thu thập tại Ngân hàng TMCP QĐ (ngân hàng MB):

- Ngày 02/11/2017, chuyển số tiền 500.000.000 đồng Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày L.NG. T rút lại tiền 500.000.000 đồng theo sự chỉ đạo của Th rồi về đưa lại tiền cho Th.

- Ngày 09/11/2017 chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày L.NG.T rút lại tiền 1.000.000.000 đồng theo chỉ đạo của Th rồi về đưa lại tiền cho Th.

- Ngày 24/11/2017 chuyển số tiền 300.000.000 đồng Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày L.V.Ph rút lại tiền 300.000.000 đồng, tiền rút về Phiếu đưa cho Th.

- Ngày 06/12/2017 chuyển số tiền 1.450.000.000 đồng Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày Th rút lại tiền trên.

- Ngày 13/12/2017 chuyển số tiền 1.680.000.000 đồng Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày Th rút lại tiền trên.

- Ngày 13/12/2017 chuyển số tiền 1.900.000.000 đồng Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày Th rút lại tiền trên.

- Ngày 14/12/2017 chuyển số tiền 500.000.000 đồng Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày V rút lại tiền 500.000.000 đồng theo sự chỉ đạo của Th, rồi về đưa lại tiền cho Th.

- Ngày 16/12/2017 chuyển số tiền 1.100.000.000 đồng Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày Th rút lại tiền trên.

- Ngày 29/12/2017 chuyển số tiền 1.340.000.000 đồng Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày Th rút lại tiền trên.

- Ngày 13/3/2018 Công ty TNHH MTV TV chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ, thanh toán tiền mua hàng cho Công ty HĐV thì ngày 14/3/2018 Th rút lại số tiền trên.

- Ngày 03/4/2018 chuyển số tiền 3.248.927.500 đồng, Công ty HĐV thanh toán tiền mua hàng Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ thì ngay trong ngày L.H.C rút lại số tiền 3.200.000.000 đồng theo chỉ đạo của Th, rồi về đưa lại cho Th..

- Ngày 05/4/2018 chuyển số tiền: 3.048.993.500 đồng thanh toán tiền mua hàng Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ, thì ngay trong ngày L.H.C rút số tiền 3.095.000.000 đồng, theo chỉ đạo của Th, tiền rút về đưa lại cho Th.

- Ngày 24/4/2018 Công ty TNHH MTV TV chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản Công ty NCH ở Ngân hàng TMCP QĐ, thanh toán tiền mua hàng cho Công ty HDV thì trong ngày L.TH.Th.V rút lại số tiền trên.

Tài khoản của Công ty NCH mở tại Ngân hàng TMCP QĐ chỉ để một mình N. T. Th, Công ty HDV thực hiện giao dịch.

Như vậy, tính đến nay Th mới hợp thức thanh toán tiền mua hàng chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng của Công ty NCH được số tiền: **23.515.921.000 đồng/37.032.136.900 đồng**, còn lại chưa hợp thức hóa được.

* Ngoài ra, quá trình xác minh, tra cứu cho kết quả:

- Xác minh tại Chi cục thuế Thanh Khê- Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xác nhận từ năm 2016 đến nay toàn bộ tờ khai thuế hàng quý của Công ty NCH khai báo bằng 0 (không có phát sinh doanh thu), do L.Q.Th là Giám đốc ký điện tử. Hơn nữa, Chi cục thuế quận Thanh Khê xác minh địa điểm kinh doanh Công ty NCH đã bỏ địa điểm hoạt động kinh doanh.

- Xác minh tại Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Duy Xuyên, Quảng Nam thì từ trước đến nay không có cấp phép khai thác khoáng sản nào cho Công ty NCH.

- Trong năm 2017, N. T. Th- Công ty HDV đã mua đất san lấp của Mỏ đá Kỳ Hà (thuộc Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai) khối lượng: 7.894,5m³, nhưng Xí nghiệp khai thác khoáng sản Chu Lai không xuất được hóa đơn cho Công ty HDV của Th.

- Khối lượng mặt hàng trên hóa đơn mà L.Q.Th, Công ty NCH bán không cho N. T. Th, Công ty HDV:

Năm 2017:	Khối lượng cát	: 165.000 m ³ .
	Khối lượng đất đỏ	: 102.000 m ³ .
	Khối lượng đá cấp phối	: 15.600 m ³ .
	Khối lượng đá 2x4	: 4.121 m ³ .
	Khối lượng đá 1x2	: 14.000 m ³ .
Năm 2018:	Khối lượng đất đỏ	: 112.000 m ³ .

Đối chiếu số liệu thấy tồn kho của hàng hóa trên trong năm 2017, tại Công ty HDV của N. T. Th là :

	Khối lượng cát	: 80.357 m ³ .
	Khối lượng đất đỏ	: - 60.935 m ³ .
	Khối lượng đá cấp phối	: 600 m ³ .
	Khối lượng đá 2x4	: 4.121 m ³ .
	Khối lượng đá 1x2	: 5.038 m ³ .

N. T. Th không giải thích được kho bãi lưu trữ hàng trên ở đâu.

* **Qua điều tra xác định:** N. T. Th, Công ty HDV còn bán không hóa đơn GTGT hàng hóa đầu ra cho một số Công ty như:

- Bán khống hóa đơn cho P.V.V (sinh năm 1983, trú Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam- Giám đốc công ty) và B.T.N.L (sinh năm 1986, trú thôn Thôn T, xã T, huyện N, Quảng Nam- Kế toán công ty) Công ty CPXD TL, kê khai thuế tại Chi cục thuế huyện Núi Thành, Quảng Nam 02 (Hai) tờ hóa đơn Số: 0000173 ngày 07/6/2017; Số: 0000176 ngày 25/6/2017; Khối lượng 8.000m³ cát; Đơn giá: 90.909,09 đồng/m³; Thành tiền: 727.272.727 đồng; Thuế suất: 72.727.272 đồng. Th lấy tiền lấy bán hóa đơn là số tiền thuế suất: 72.727.272 đồng (bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi hai đồng). Khối lượng cát này P.V.V nạo vét luồng cảng sông Trường Giang có được và đã bán lại nhưng không có hóa đơn đầu vào nên chỉ đạo B.T.N.L mua khống hai hóa đơn trên của Th.

- Bán khống hóa đơn cho N.L.N.H (sinh năm 1973, trú phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, Quảng Nam) là Giám đốc Công ty TNHH MTV TM LNA, kê khai thuế tại Chi cục thuế thành phố Hội An, Quảng Nam 02 (Hai) tờ hóa đơn, Số: 0000183 ngày 28/6/2017; Số 0000188 ngày 30/6/2017; Khối lượng 4.000m³ cát; Đơn giá: 200.000 đồng/m³; Thành tiền: 800.000.000 đồng; Thuế suất: 80.000.000 đồng, Th lấy tiền lấy bán hóa đơn là số tiền thuế: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Khối lượng cát này, trong quá trình thi công công trình tại Núi Thành có mua cát không có giấy phép, không có hóa đơn nên đã mua khống hóa đơn của Th.

- Bán khống hóa đơn cho B.Q.V (sinh năm 1983, trú xã T.Th, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) là Giám đốc Công ty VTTH, kê khai thuế tại Chi cục thuế TP Tam Kỳ, Quảng Nam 01 (một) tờ hóa đơn Số: 0000029 ngày 15/10/2018; Khối lượng cát: 801m³; Số tiền: 87.381.818 đồng; Thuế suất: 8.738.182 đồng, Th lấy tiền bán hóa đơn là số tiền thuế 8.738.182 đồng (tám triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn một trăm tám mươi hai đồng). Khối lượng cát này, Việt thi công công trình, đã mua cát của các hộ dân tự khai thác không có hóa đơn nên đã đến gặp Th để mua khống hóa đơn trên. Ngày 12/3/2020, Việt tự nguyện nộp lại số tiền: 8.738.000 đồng là số tiền thuế trên tờ hóa đơn.

- Bán khống hóa đơn cho B.V.T (sinh năm 1987, trú phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng) là Giám đốc Công ty HT, kê khai thuế tại Chi cục thuế huyện Bắc Trà My, Quảng Nam 01 (Một) tờ hóa đơn số 0000100 ngày 31/12/2018; Khối lượng cát: 2.970m³; Số tiền: 486.000.000 đồng; Thuế suất: 48.600.000 đồng, Th lấy tiền lấy bán hóa đơn là số tiền thuế 48.600.000 đồng (bốn mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) Khối lượng cát này, Tân thi công công trình đã mua cát của các hộ dân tự khai thác không có hóa đơn nên đã đến gặp Th để mua khống hóa đơn trên. Ngày 12/3/2020, Tân tự nguyện nộp lại số tiền: 48.600.000 đồng là số tiền thuế trên tờ hóa đơn.

- Ngày 30/9/2017, N. T. Th, Công ty HDV xuất tờ hóa đơn số: 0000291 cho N.V.N, Công ty TNHH A, kê khai thuế tại Chi cục thuế huyện Núi Thành với khối lượng đất 30.500 m³; Đơn giá 16.363,64 đồng/m³; Thành tiền: 499.091.020 đồng; Thuế suất: 49.909.102 đồng. Nhưng trên thực tế N. T. Th với N.V.N chưa có giao nhận hàng hóa gì với nhau, Công ty TNHH A đã kê khai tờ hóa đơn trên với cơ quan thuế Núi Thành.

Quá trình điều tra bị can N. T. Th, L.Q.Th và những người có liên quan khai nhận:

a. N. T. Th: Ban đầu Th khai nhận đã mua không 33 tờ hóa đơn GTGT của L.Q.Th- Công ty NCH. Mọi giao dịch Th làm việc trực tiếp với L.Q.Th. Th không biết T.C.Nh là ai. Mục đích của việc Th mua không hóa đơn của L.Q.Th là để hợp thức hóa hàng mua đầu vào không có hóa đơn và có xuất bán lại cho các đơn vị, Công ty nào cần. Số tiền trả cho L.Q.Th về việc mua không hóa đơn, Th khai nhận đã trả cho L.Q.Th được 309.000.000 đồng, kể cả tiền mặt và tiền chuyển khoản. Tuy nhiên, khi đấu tranh làm rõ phương thức thủ đoạn trong việc mua bán hóa đơn thì Th thay đổi lời khai, phủ nhận việc lập không 12 bảng kê, khai báo quanh co. Th khai đã thuê các xe ô tô có biển kiểm soát nói trên của Công ty TNHH TD, Công ty VTNT, Công ty ông N.Q.D ra ngã ba Trường Xuân vận chuyển cát, đất đỏ mua từ cầu Cao Lâu, huyện Duy Xuyên của L.Q.Th về Núi Thành để bán lại cho các Công ty, còn đá thì mua trong các mỏ đá Chu Lai như trong 12 Bảng kê của 14 tờ hóa đơn. Tuy nhiên, quá trình điều tra, Th không khai rõ địa điểm nhận hàng, không cung cấp được hóa đơn, chứng từ để chứng minh việc mua bán hàng hóa trong 33 tờ hóa đơn GTGT trên kia là thực tế, không giải thích được những điểm bất hợp lý trong các bảng kê, không giải trình được việc chuyển và rút tiền trong cùng một ngày, việc thu giữ các tập séc do L.Q.Th ký và đóng dấu sẵn trong nhà riêng của Th.

*** L.Q.Th khai nhận:** Quá trình trao đổi, thỏa thuận và chi phí của việc mua bán hóa đơn như đã nêu ở trên. Mỗi lần nhận yêu cầu ghi hóa đơn của Th, tính tiền bán hóa đơn...thì L.Q.Th chụp lại hình ảnh lưu trữ để làm đối chiếu. L.Q.Th đã in những hình ảnh lưu trữ thể hiện việc mua bán không hóa đơn, tính tiền bán hóa đơn, nhận tiền bán hóa đơn giữa Th với L.Q.Th trước đây giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Mỗi lần cần gặp T.C.Nh để ghi hóa đơn hoặc ký bảng kê chứng từ thì L.Q.Th điện thoại cho T.C.Nh hẹn gặp tại quán cà phê ở thành phố Đà Nẵng để làm. Lần cuối cùng khoảng tháng 3/2018, T.C.Nh nghe L.Q.Th nói ký 12 Bảng kê đối chiếu khối lượng cho Th để cho Công an kiểm tra thì từ đó về sau L.Q.Th không liên lạc được với T.C.Nh được nữa. Mọi việc giao dịch mua bán trao đổi, nhận tiền thì L.Q.Th chỉ làm việc và biết một mình Th, không có làm việc với ai khác.

Toàn bộ tiền mặt và tiền chuyển khoản nhận được từ bán không hóa đơn cho Th thì L.Q.Th đều trực tiếp đưa cho Trương Công T.C.Nh. Sau khi nhận tiền, T.C.Nh trực tiếp đưa lại, bồi dưỡng cho L.Q.Th. Tổng cộng số tiền T.C.Nh cho L.Q.Th khoảng 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) đến 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Toàn bộ số tiền này, L.Q.Th đã tiêu xài cá T.C.Nh hết.

Trong quá trình điều tra, L.Q.Th khai nhận việc mua bán trái phép các hóa đơn GTGT với N. T. Th là làm giúp cho một người có tên là T.C.Nh và hưởng chi phí “hoa hồng” từ T.C.Nh. Tuy nhiên, qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, căn cứ diễn biến thực tế của vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: đối tượng

có tên T.C.Nh là không có thực, do L.Q.Th dựng lên để qua mắt lực lượng chức năng, che giấu hành vi phạm tội của mình.

*** L.TH.Th.V, N.T.T.K khai nhận:**

L.TH.Th.V vào làm kế toán cho Th khoảng tháng 10/2017, còn N.T.T.K vào làm kế toán cho Th khoảng tháng 4/2018. Trong thời gian V, Kiền làm kế toán có nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản cá T.C.Nh của L.Q.Th ở hai Ngân hàng Nông nghiệp PTNT và Vietcombank là do N. T. Th đưa tiền, số tài khoản của L.Q.Th để thực hiện chuyển tiền theo sự chỉ đạo của Th. Trong thời gian làm kế toán, L.TH.Th.V thấy, biết L.V.Ph là T.C.Nh viên công ty, người nhà của gia đình Th cũng thực hiện việc chuyển tiền cho L.Q.Th theo chỉ đạo của Th như V.

Khoảng đầu năm 2018, khi làm Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017 thì V thấy có hóa đơn của Công ty NCH không có bảng kê nên đã hỏi Th và được Th chỉ đạo lập không hợp thức vào.

Khi lập không 12 bảng kê, do khối lượng hàng trên hóa đơn quá lớn, thời gian trên các số hóa đơn gần kề với nhau, Th hối thúc làm nhanh nên V tự ghi ngày, tháng, năm kể cả ngày Lễ, Tết Âm lịch; Tự ghi biển số xe ô tô được lấy từ các bảng kê của Công ty TNHH TD, Công ty VTNT, nhiều Công ty khác để đưa vào bảng kê mà không cần biết xe có tải trọng bao nhiêu, được cấp biển số từ thời gian nào; Tự ghi số chuyển; Tự ghi số khối; Tự điều chỉnh miễn sao số tổng khối lượng hàng cuối cùng của bảng kê trùng với số khối lượng hàng trên hóa đơn GTGT của Công ty NCH. Trong lúc lập bảng kê V có mượn N.T.T.K đánh máy, điền số liệu, điều chỉnh số liệu giúp.

* Ngoài hành vi mua bán hóa đơn GTGT trái phép, N. T. Th còn có hành vi có kê khai chênh lệch tiền hàng, tiền thuế đối với các hóa đơn: Số 0000468 ngày 01/6/2018; Số 0000488; Số 0000496 ngày 12/8/2018; Số 0000010 ngày 27/9/2018; ngày 08/7/2018; Số 0000022 ngày 30/9/2018; Số 0000031 ngày 26/10/2018; Số 0000137 ngày 05/4/2019; Số 0000144 ngày 05/6/2019. Hành vi này có dấu hiệu của tội “Trốn thuế”. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành đã tách (bản gốc) đối với liên 1, liên 3 các hóa đơn GTGT (có sao y bản chính trong hồ sơ vụ án) trong 14 tập hóa đơn GTGT là vật chứng vụ án (*chi tiết các hóa đơn cụ thể được thể hiện trong Phụ lục 04- ban hành kèm Cáo trạng này*) để phục vụ điều tra, xác minh về hành vi Trốn thuế.

Ngày 19/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành đã ra lệnh phong tỏa tài khoản số 01/L, số 06/L đối với bị cáo L.Q.Th tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đà Nẵng.

Ngày 19/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành ra lệnh phong tỏa tài khoản số 02/L, 03/L, 04/L, 05/L đối với bị cáo N. T. Th tại các Ngân hàng TMCP NT, Ngân hàng SGTT; Ngân hàng NNPTNT; Ngân hàng TMCP ĐT.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

a. Ngày 01/4/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành ra Quyết định số: 47/QĐ trưng cầu Chi cục thuế huyện Núi Thành xác định số tiền thuế phải nộp trên 33 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đơn vị bán hàng Công ty NCH; đơn vị mua hàng Công ty HDV.

Tại Văn bản số: 2970/CCT-KTr ngày 12/4/2019 của Chi cục thuế huyện Núi Thành về việc trả lời giám định thuế kết quả số tiền thuế: 3.366.557.855 đồng (Ba tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng), là số tiền thuế mà Công ty NCH phải kê khai nộp và là số tiền mà Công ty HDV được khấu trừ thụ hưởng. Các sắc thuế khác phải nộp không đủ cơ sở để xác định.

b. Ngày 12/7/2019 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam ra Quyết định số: 84/QĐ trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam giám định chữ ký và hình mẫu dấu trên 33 tờ hóa đơn GTGT đơn vị bán hàng Công ty NCH; đơn vị mua hàng Công ty HDV.

Tại Kết luận giám định số: 116/PC09 ngày 02/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

+ Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "CÔNG TY TNCH" trên 33 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đơn vị bán hàng Công ty NCH; đơn vị mua hàng Công ty HDV có cùng nội dung tương ứng trên hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "CÔNG TY NCH" mà hình dấu so sánh này khi Công ty NCH thành lập đã đăng ký tại Phòng PC06 Công an thành phố Đà Nẵng, là do cùng một mẫu dấu đóng ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên T.C.Nh dưới mục "Người bán hàng" trên các tài liệu cần giám định (33 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đơn vị bán hàng Công ty NCH; đơn vị mua hàng Công ty HDV) có phải do cùng một người ký ra hay không.

*** Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án:**

- Số tiền: 67.338.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu ba trăm ba mươi tám ngàn) hiện đang được gửi vào tài khoản tạm gửi Công an huyện Núi Thành mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Núi Thành.

*** Các đồ vật, tài liệu được tạm giữ, đưa vào hồ sơ vụ án gồm:**

1. Quá trình khám xét, thu giữ tại nhà N. T. Th:

- Một (01) Tập séc Ngân hàng TMCP QĐ, quyền số 01, bên trong ký đứng tên L.Q.Th, đóng dấu Công ty NCH, có tờ séc đã xé khỏi cùi để thực hiện giao dịch.

- Ba tờ giấy A4 ký đứng tên L.Q.Th, đóng dấu Công ty NCH không có ghi nội dung gì.

- 12 (mười hai) tập hóa đơn GTGT của Công ty HDV, đã sử dụng.

- Một tập phiếu chi gồm 46 (bốn mươi sáu) trang, trang đầu tiên có tên L.H.C được ghi là người nhận tiền và có chữ ký của L.H.C ở mục người nhận tiền.

- 14 (Mười bốn) tờ hóa đơn GTGT gồm các số 0000151 đến 0000156

2. Trong quá trình điều tra N. T. Th giao nộp:

- 33 (Ba mươi ba) tờ hóa đơn GTGT liên 2: Giao khách hàng; đơn vị bán hàng Công ty NCH, đơn vị mua hàng Công ty TNHH TM và DV Hưng Đức Vinh, gồm các số hóa đơn: 0000620 ngày 20/01/2017; 0000652 ngày 22/02/2017; 0000658 ngày 26/02/2017; 0000671 ngày 24/3/2017; 0000679 ngày 28/3/2017; 0000698 ngày 29/4/2017; 0000709 ngày 20/5/2017; 0000712 ngày 25/5/2017; 0000717 ngày 29/5/2017; 0000721 ngày 05/6/2017; 0000728 ngày 15/6/2017; 0000737 ngày 29/6/2017; 0000742 ngày 16/7/2017; 0000745 ngày 26/7/2017; 0000747 ngày 28/7/2017; 0000749 ngày 29/7/2017; 0000752 ngày 26/8/2017; 0000753 ngày 27/8/2017; 0000754 ngày 28/8/2017; 0000755 ngày 29/8/2017; 0000772 ngày 26/9/2017; 0000773 ngày 28/9/2017; 0000774 ngày 29/9/2017; 0000778 ngày 02/10/2017; 0000790 ngày 28/10/2017; 0000792 ngày 29/10/2017; 0000796 ngày 30/10/2017; 0000836 ngày 23/01/2018; 0000838 ngày 25/01/2018; 0000866 ngày 20/02/2018; 0000871 ngày 24/02/2018; 0000881 ngày 07/3/2018; 0000896 ngày 25/3/2018.

- Hợp đồng kinh tế số 03-2017/HĐKT/NCH-HĐV ngày 01/01/2017 về việc mua bán đá cát giữa Công ty NCH với Công ty HĐV; Hợp đồng kinh tế số 04-2017/HĐKT/NCH-HĐV ngày 01/4/2017 về việc vận chuyển hàng hóa giữa Công ty NCH với Công ty HĐV; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2017 giữa Công ty NCH với Công ty HĐV.

- 12 (mười hai) Biên bản nghiệm thu khối lượng, kèm theo 12 bảng kê từ ngày 01 tháng 01/2017 đến ngày 31 tháng 10 năm 2017 (*danh sách chi tiết được thể hiện trong Phụ lục 03- ban hành kèm Cáo trạng này*)

- 02 (Hai) hóa đơn GTGT Liên 2: Giao khách hàng; Mẫu số 01GTKT3/001; Ký hiệu DV/18P; Số 0000127 ngày 25/10/2019; Đơn vị bán hàng: Công ty HĐV; Đơn vị mua hàng: Nguyễn N.T.L.H. Và Hóa đơn GTGT Liên 2: Giao Khách hàng Mẫu số 01GTKT3/001; Ký hiệu DV/18P; Số 0000156 ngày 15/7/2019; Đơn vị bán hàng: Công ty HĐV; Đơn vị mua hàng: Công ty KH.Đ.

3. Các tài liệu do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giao nộp:

- Hóa đơn GTGT liên 2: Giao khách hàng; Mẫu số : 01GTKT3/001; Ký hiệu : DV/18P; Số : 0000100 ngày 31/12/2018, Đơn vị bán hàng Công ty HĐV; Đơn vị mua hàng Công ty HT.

- Hóa đơn GTGT liên 2: Giao khách hàng; Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: DV/18P; Số 0000029 ngày 15/10/2018, Đơn vị bán hàng Công ty HĐV, Đơn vị mua hàng Công ty VTTH.

- Hóa đơn GTGT liên 2: Giao khách hàng; Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: DV/16P; Số 0000183 ngày 28/6/2017, số 0000188 ngày 30/6/2017, Đơn vị bán hàng Công ty HĐV, Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH L.N.A.

- Hóa đơn GTGT liên 2: Giao khách hàng; Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: DV/16P; Số 0000173 ngày 07/6/2017, số 0000176 ngày 25/6/2017; Đơn vị bán hàng Công ty HĐV, Đơn vị mua hàng: Công ty CPXD TL.

- Hóa đơn GTGT liên 2: Giao khách hàng; Mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: DV/16P; Số: 0000291, ngày 30/9/2017 Đơn vị bán hàng: Công ty HĐV; Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH A.

- Hai tập hóa đơn GTGT số 3, số 4 của Công ty HĐV. Hai tờ giấy A4 ghi nội dung thông kê bàn giao tập hóa đơn do P.V.A giao nộp ngày 18/12/2019.

- 69 (sáu mươi chín) tờ hóa đơn GTGT liên 3: Lưu của Công ty HĐV bán hàng đầu ra của các mặt hàng cát, đất, đá cấp phối, đá 2x4, đá 1x2 trong năm 2017.

4. Các tài liệu do N.T.T.K giao nộp:

- Giải trình số liệu bảng kê hàng hóa chứng từ mua vào năm 2016, năm 2017 của Công ty HĐV (14 trang, bản phô tô).

- Giải trình số liệu bảng kê hàng hóa chứng bán ra năm 2016, năm 2017 của Công ty HĐV (6 trang, bản phô tô).

5. Các tài liệu do bà L.T.K.T giao nộp:

- Sổ tiền gửi Ngân hàng năm 2017 của Công ty HĐV, có đóng dấu giáp lai.

- Sổ quỹ tiền mặt năm 2017 của Công ty HĐV, có đóng dấu giáp lai.

- Tổng hợp xuất nhập tồn năm 2017, năm 2018 của Công ty HĐV có đóng dấu treo bên trái.

- Bảng kê vận chuyển đất làm đường cho Công ty HĐV ký xác nhận giữa hai Công ty ghi từ ngày 29/6/2017 đến ngày 11/7/2017.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ghi ngày 29/9/2017 giữa Công ty Th.D với Công ty HĐV. Kèm với bảng kê vận chuyển chuyển đất mỏ Tam Mỹ xuống cho Công ty HĐV từ ngày 08/9/2017 đến ngày 20/9/2017 Công trình sân bay Chu Lai, ký xác nhận đóng dấu giữa hai Công ty.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ghi ngày 30/9/2017 giữa Công ty Th.D với Công ty HĐV có ký đóng dấu giữa hai Công ty (01 trang, bản gốc). Kèm với bảng kê cung cấp đất cho Công ty HĐV từ ngày 08/9/2017 đến ngày 20/9/2017 công trình sân bay Chu Lai, ký xác nhận đóng dấu giữa hai Công ty.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ghi ngày 30/9/2017 giữa Công ty Th.D với Công ty HĐV có ký đóng dấu của hai Công ty (01 trang, bản gốc). Kèm Bảng kê cung cấp đất cho Công ty HĐV từ ngày 22/9/2017 đến ngày 30/9/2017 công trình sân bay Chu Lai, ký xác nhận đóng dấu giữa hai Công ty.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ghi ngày 29/9/2017 giữa Công ty Th.D với Công ty HĐV có ký đóng dấu của hai Công ty (01 trang, bản gốc). Kèm theo Bảng kê cung cấp đất và vận chuyển cho Công ty HĐV từ ngày 25/8/2017 đến ngày 07/9/2017 công trình sân bay Chu Lai, ký đóng dấu giữa hai Công ty.

- Bảng kê cung cấp đất cho Công ty HĐV từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/10/2017 công trình sân bay Chu Lai, ký đóng dấu giữa hai Công ty.

- Bảng kê vận chuyển Kỳ Hà + Bình Nguyên ghi từ ngày 04/10/2017 đến ngày 31/3/2018 giữa Công ty HĐV với Công ty VTNT, ký đóng dấu xác nhận giữa hai Công ty.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng giữa Công ty HĐV với Công ty VTNT, ghi ngày 30/9/2017, ký đóng dấu xác nhận giữa hai Công ty. Kèm theo bảng kê vận

chuyển giữa Công ty VTNT với Công ty HĐV từ ngày 03/5/2017 đến ngày 30/9/2017, ký đóng dấu xác nhận giữa hai Công ty.

- Hợp đồng kinh tế số 02-05/2017/HĐKT/VTNT-HĐV ngày 02/5/2017 giữa Công ty HĐV với Công ty VTNT.

- Hợp đồng kinh tế số 14/2017/TD-HĐV ngày 20/8/2017 giữa Công ty HĐV với Công ty VTNT.

*** Các đồ vật, tài liệu đã xử lý, trả lại** (Các tài liệu dưới đây đã được sao y bản chính, đưa vào hồ sơ vụ án. Bản gốc các tài liệu này đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật).

1. Do N.T.T.K giao nộp:

- 05 (năm) Biên bản nghiệm thu khối lượng (một số không ghi cụ thể ngày, tháng) năm 2017, 2018 giữa Công ty HT với Công ty HĐV.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng ghi ngày 31/01/2018 giữa Công ty Th.A với Công ty HĐV.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng ghi ngày 29/01/2018 giữa Công ty Th.A với Công ty HĐV.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng ghi ngày 28/02/2018 giữa Công ty Th.A với Công ty HĐV.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng ghi ngày 28/02/2018 giữa Công ty Th.A với Công ty HĐV.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng ghi ngày 31/3/2018 giữa Công ty Th.A với Công ty HĐV.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng ghi ngày 31/3/2018 giữa Công ty Th.A với Công ty HĐV.

2. Các tài liệu do bà P.T.K.C giao nộp:

- Các hóa đơn giá trị gia tăng Liên 1: Lưu; Mẫu số: 01GTKT3/001; Ký hiệu: TD/17P: Số: 0000094 ngày 30/8/2017; Số: 0000095 ngày 30/8/2017; Số: 0000096 ngày 30/8/2017; Số: 0000101 ngày 29/9/2017; Số: 0000102 ngày 29/9/2017; Số: 0000106 ngày 30/9/2017; Số: 0000108 ngày 30/9/2017; số: 0000109 ngày 30/9/2017; Số: 0000118 ngày 28/10/2017; Số: 0000119 ngày 29/10/2017; Số: 0000156 ngày 31/12/2017; Số: 0000140 ngày 04/12/2017; Số: 0000176 ngày 01/4/2018; Số: 0000180 ngày 19/4/2018; Số: 0000182 ngày 25/4/2018; Số: 0000184 ngày 30/4/2018.

- Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 31/12/2017; Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 30/9/2017; Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 30/4/2018; Hợp đồng kinh tế số 14/2017/TD-HĐV ngày 20/8/2017 giữa Công ty Th.D với Công ty HĐV.

3. Các tài liệu do bà B.T.N.H giao nộp:

- Các hóa đơn giá trị gia tăng Liên 3: Nội bộ; Mẫu số: 01GTKT3/001; Ký hiệu: KH/12P: Số: 0000404 ngày 05/01/2017; Số: 0000405 ngày 22/01/2017; Số: 0000406 ngày 24/01/2017; Số: 0000407 ngày 25/01/2017; Số: 0000408 ngày 25/01/2017; Số: 0000409 ngày 06/02/2017; Số: 0000412 ngày 15/02/2017; Số: 0000414 ngày 13/3/2017; Số: 0000415 ngày 15/3/2017; Số: 0000416 ngày 21/3/2017; Số: 0000417 ngày 28/3/2017; Số: 0000420 ngày 31/3/2017; số:

0000422 ngày 31/3/2017; Số: 0000424 ngày 20/4/2017; Số: 0000425 ngày 31/3/2017; Số: 0000426 ngày 28/4/2017; Số: 0000427 ngày 28/4/2017; số: 0000428 ngày 30/4/2017; Số: 0000430 ngày 30/4/2017; Số: 0000435 ngày 31/5/2017; Số: 0000436 ngày 16/6/2017; Số: 0000437 ngày 20/6/2017; số: 0000439 ngày 30/6/2017; Số: 0000441 ngày 30/6/2017; Số: 0000442 ngày 30/6/2017; Số: 0000444 ngày 25/7/2017; Số: 0000445 ngày 24/8/2017; số: 0000446 ngày 31/8/2017; Số: 0000447 ngày 31/8/2017; Số: 0000448 ngày 20/9/2017; Số: 0000449 ngày 27/9/2017; Số: 0000450 ngày 30/9/2017; số: 0000451 ngày 30/9/2017; Số: 0000452 ngày 30/10/2017; Số: 0000453 ngày 30/10/2017; Số: 0000454 ngày 20/11/2017; Số: 0000455 ngày 20/11/2017; Số : 0000456 ngày 20/11/2017; Số: 0000457 ngày 29/11/2017; Số: 0000458 ngày 30/11/2017.

Kèm theo các hóa đơn trên là các Bảng đối chiếu, Biên bản xác nhận khối lượng, bảng kê trung chuyển giữa đơn vị bán hàng và người mua hàng.

4. Các tài liệu do bà N.T.L.H giao nộp:

- Các hóa đơn giá trị gia tăng Liên 1: Lưu; Mẫu số: 01GTKT2/001; Ký hiệu: NT/16P; Số: 0000373 ngày 30/9/2017; Số: 0000038 ngày 28/02/2018; Số: 0000059 ngày 31/3/2018 (kèm theo các hóa đơn này là các bảng kê vận chuyển)

- Hợp đồng kinh tế số: 75/HĐKT/2016 ký kết giữa N.T.L.H - Công ty VTNT với N. T. Th- Công ty HDV và Biên bản nghiệm thu.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKS-NT ngày 16/12/2020 của Viện kiểm sát T.C.Nh dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo N. T. Th và bị cáo L.Q.Th, về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*” thuộc trường hợp có tổ chức, hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên, thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên. Tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát T.C.Nh dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Th và bị cáo L.Q.Th về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203, điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Th từ 15 đến 24 tháng tù; áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L.Q.Th phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Đề nghị xem xét truy thu số tiền bị cáo Th, bị cáo L.Q.Th thu lợi bất chính.

Bị cáo N. T. Th, L.Q.Th tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát T.C.Nh dân huyện Núi Thành đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát T.C.Nh dân huyện Núi Thành, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Sau khi cùng nhau thỏa thuận và thống nhất về phương thức, mua bán, chi phí, từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2018, L.Q.Th – Giám đốc Công ty NCH đã bán trái phép cho N. T. Th – Giám đốc Công ty HDV 33 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi nội dung với tổng số tiền hàng 33.665.579. 045 đồng, thuế suất giá trị gia tăng là 3.366.557.855 đồng, tổng thành tiền là 37.032.136.900 đồng. Th sử dụng các hóa đơn này để hợp thức hóa hàng mua đầu vào không có hóa đơn và có xuất bán lại cho một số đơn vị, công ty khác có nhu cầu. Số tiền thuế giá trị gia tăng trong 33 tờ hóa đơn trên đã được Th kê khai, khấu trừ hết trong các kỳ quyết toán thuế. Số tiền Th thu lợi bất chính từ tiền khấu trừ của 33 hóa đơn giá trị gia tăng là 3.366.557.855 đồng, trong đó Th chia lại cho L.Q.Th tiền công, phí bán hóa đơn là 3-4%. Theo đó Th đã thanh toán cho L.Q.Th số tiền 476.200.000 đồng tiền phí trong tổng số tiền theo thỏa thuận là 1.124.823.161 đồng, số còn lại Th chưa thanh toán cho L.Q.Th. Như vậy, thực tế Th đã thu lợi số tiền 2.890.357.855 đồng. Ngoài ra Th còn thu lợi bất chính khi bán không hóa đơn đầu ra cho một số công ty khác là 210.065.454 đồng. Vậy, tổng số tiền Th đã thu lợi bất chính là 3.100.423.309 đồng, tổng số tiền L.Q.Th thu lợi bất chính là 476.200.000 đồng.

[3] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo N. T. Th và L.Q.Th, phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*” theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát T.C.Nh dân huyện Núi Thành là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất của vụ án, T.C.Nh thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hóa đơn, chứng từ do nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật. Việc mua bán trái phép hóa đơn chứng từ là xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước. Các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức hành vi mua bán trái phép hóa đơn là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thu lợi cá T.C.Nh, do đó cần xử mức án nghiêm nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Đối bị cáo Th có cha là thương binh hạng 4/4, mẹ là bệnh binh; Khi phạm tội bị cáo đang mang thai, hiện nay đã sinh con, một mình bị cáo đang nuôi con nhỏ (bị cáo đã ly hôn), bị cáo hay đau ốm, bị cáo có chú ruột là liệt sĩ. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét xử bị cáo bằng hình phạt tiền để bị cáo tiếp tục nuôi con nhỏ.

Đối với bị cáo L.Q.Th: sau khi sự việc bị phát giác, bị cáo đã đến Công an huyện Núi Thành đầu thú. Hiện bị cáo đã nộp một số tiền để khắc phục hậu quả 50.000.000 đồng. Gia đình bị cáo khó khăn, đang nuôi 03 con nhỏ. Bị cáo đang điều trị căn bệnh đái tháo đường tuýp 2. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét xử bị cáo bằng hình phạt tiền để bị cáo tiếp tục chữa bệnh.

[5] Về vật chứng: Các tài liệu, đồ vật thu giữ được đã đưa vào hồ sơ vụ án.

[6] Đối với số tiền các bị cáo thu lợi bất chính cần tuyên truy thu sung công quỹ. Tuyên truy thu bị cáo Th số tiền 3.100.423.309 đồng; truy thu của bị cáo L.Q.Th số tiền 476.200.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo L.Q.Th đã tự nguyện giao nộp khắc phục một phần hậu quả là 10.000.000 đồng + 40.000.000 đồng (nộp ngày 01/12/2020) còn lại 426.200.000 đồng.

Đối với số tiền 8.738.000 do B.Q.V, Giám đốc Công ty VTTH tự nguyện nộp là tiền thuế trên tờ hóa đơn mua của Th; và số tiền 48.600.000 đồng là tiền thuế trên hóa đơn Th bán cho B.V.T do Tân tự nguyện giao nộp. Đây là số tiền nhà nước thiệt hại do hành vi mua bán trái phép hóa đơn giữa Th và ông Việt, ông Tân nên cần tịch thu sung công quỹ.

[7] H.N.H tham gia đứng tên trong đăng ký kinh doanh của Công ty HDV theo đề nghị của Th. Hà không tham quản lý, điều hành, quyết định và không hưởng bất kỳ lợi ích nào từ hoạt động kinh doanh của công ty. Hà không biết việc N. T. Th có hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước nên không đề cập xử lý.

[8] L.TH.Th.V vào làm kế toán cho Công ty HDV của N. T. Th từ khoảng tháng 10 năm 2017. Đến đầu năm 2018, theo chỉ đạo của Th, V lập không 12 bảng kê hợp thức 14 tờ hóa đơn GTGT của Công ty NCH với mục đích hợp thức hóa để thể hiện đầy đủ chứng từ theo hóa đơn để Báo cáo quyết toán năm 2017. Khi lập không 12 bảng kê thì Th cũng không nói rõ cho V biết là hóa đơn mua không. Ngoài ra, 14 tờ hóa đơn GTGT mà V lập không bảng kê đã được Th mua không của L.Q.Th trước khi V vào làm kế toán, còn việc mua không V không hề hay biết. Đối với N.T.T.K vào làm kế toán cho Công ty HDV của Th từ tháng 4/2018, khi vào làm thì V có mượn Kiều phụ lập một số bảng kê nhưng Kiều không biết mục đích lập bảng kê và lập những bảng kê nào cho hóa đơn nào. Vì vậy, hành vi của L.TH.Th.V, N.T.T.K không thuộc trường hợp đồng phạm với hành vi phạm tội của N. T. Th. Hành vi của V, Kiều là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, tuy nhiên, hiện nay thời hiệu xử phạt hành chính đã hết nên không đề cập xử lý.

[9] L.NG.T, L.H.C, L.V.Ph, L.TH.Th.V, N.T.T.K thực hiện việc chuyển tiền, rút tiền theo yêu cầu của N. T. Th. L.NG.T, L.H.C. L.V.Ph không biết rõ mục đích, nội dung, nguồn gốc và không hưởng lợi gì từ việc này nên không đề cập xử lý.

[10] Đối với Xí nghiệp khai thác khoáng sản CL: Năm 2017 khai thác khoáng sản (đất đỏ) bán cho Công ty HDV của N. T. Th đã được UBND huyện

Núi Thành xử phạt hành chính tại Quyết định số:127/QĐ-XPVPHC ngày 15/01/2019 nên không đề cập xử lý.

[11] Đối với các công ty, cá T.C.Nh có hành vi mua trái phép hóa đơn gia trị gia tăng của Th: Đối với P.V.V, B.T.N.L, Công ty CP TL: có hành vi mua không 02 (Hai) tờ hóa đơn GTGT, số tiền thuế trên hai tờ hóa đơn là: 72.727.272 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, là hành vi vi phạm hành chính về thuế, thẩm quyền xử lý thuộc Cơ quan thuế. Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành chuyển thông tin đến Chi cục thuế huyện Núi Thành xử lý theo thẩm quyền; Đối với B.V.T, Công ty HT: có hành vi mua không 01 (Một) tờ hóa đơn GTGT, số tiền thuế trên tờ hóa đơn là: 48.600.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, là hành vi vi phạm hành chính về thuế, thẩm quyền xử lý thuộc Cơ quan thuế. Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành chuyển thông tin đến Chi cục thuế huyện Bắc Trà My xử lý theo thẩm quyền; Đối với B.Q.V, Công ty TNHH VTTH: có hành vi mua không 02 (Hai) tờ hóa đơn GTGT, số tiền thuế trên hai tờ hóa đơn là: 8.738.182 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, là hành vi vi phạm hành chính về thuế, thẩm quyền xử lý thuộc Cơ quan thuế. Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành chuyển thông tin đến Chi cục thuế thành phố Tam Kỳ xử lý theo thẩm quyền; Đối với N.L.N.H, Công ty TNHH LNA: có hành vi mua không 02 (Hai) tờ hóa đơn GTGT, số tiền thuế trên hai tờ hóa đơn là: 80.000.000 đồng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, là hành vi vi phạm hành chính về thuế thẩm quyền xử lý thuộc Cơ quan thuế. Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành chuyển thông tin đến Chi cục thuế thành phố Hội An xử lý theo thẩm quyền; Đối với N.V.N, Công ty TNHH A: có hành vi kê khai 01 (Một) tờ hóa đơn GTGT mà chưa nhận hàng, số tiền thuế trên tờ hóa đơn: 49.909.102 đồng, là hành vi vi phạm hành chính sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, thẩm quyền xử lý thuộc Cơ quan thuế. Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành chuyển thông tin trên đến Chi cục thuế huyện Núi Thành xử lý theo thẩm quyền.

[12] Đối với hành vi trốn thuế của N. T. Th, Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành tách ra, đang tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo N. T. Th, L.Q.Th phạm tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*”.

Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: N. T. Th 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo: L.Q.Th số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Truy thu của N. T. Th số tiền 3.100.423.309 đồng; truy thu của bị cáo L.Q.Th số tiền 426.200.000 đồng (đã trừ số tiền L.Q.Th tự nguyện giao nộp khắc phục một phần hậu quả là 50.000.000 đồng).

Tịch thu sung công quỹ số tiền 107.338.000 đồng. Trong đó số tiền 57.338.000 đồng của B.Q.V, B.V.T nộp và 10.000.000 đồng của bị cáo L.Q.Th nộp khắc phục hậu quả hiện đang được gửi tại tài khoản tạm gửi số 3949.0.9042536.00000 của Công an huyện Núi Thành mở tại Kho bạc Nhà huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam. Số tiền 40.000.000 đồng tại Chi cục dân sự huyện Núi Thành, Quảng Nam theo biên lai thu số 008380 ngày 01/12/2020.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu là: 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*);

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án T.C.Nh dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký*)

Trương Văn Biểu